

**ĐÁNH GIÁ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ GIÁO VIÊN  
VỀ MỘT SỐ MẶT QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP  
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN QUỐC THANH LONG\*

**TÓM TẮT**

*Bài viết trình bày kết quả khảo sát đánh giá của cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) về tổ chức bộ máy quản lý nhất quán trong nhận thức và hoạt động quản lý hiệu quả các con đường giáo dục hướng nghiệp (GDHN) trong nhà trường, xây dựng đội ngũ CBQL và GV có tay nghề, tăng cường cơ sở vật chất, tài chính tương ứng phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của các trường trung học phổ thông (THPT) huyện Bình Chánh.*

**Từ khóa:** giáo dục hướng nghiệp, trường trung học phổ thông, huyện Bình Chánh.

**ABSTRACT**

*The assessment of manager officials and teachers on a number of management aspects of vocational education for high school students in Binh Chanh District, Ho Chi Minh City*

*The paper presents the survey and assessment results of the managers officials and teachers on a management system which is consistent in awareness and operates effectively in managing the vocational education at schools, constructing skillful manager officials and teachers, reinforcing the facilities and finance suitable for the current scale of activities in high schools in Binh Chanh district.*

**Keywords:** vocational education, secondary school in Binh Chanh District.

**1. Đặt vấn đề**

Hiện nay, nước ta đang bước vào thời kỳ mở cửa, sự cạnh tranh về thị trường hàng hóa trong quá trình phát triển kinh tế giữa các quốc gia ngày càng quyết liệt, đòi hỏi thị trường lao động phải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của quốc gia. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã đặt ra cho công tác hướng nghiệp (HN) những yêu cầu mới, bên cạnh việc giới thiệu nghề cụ thể cho học sinh (HS) còn phải cho HS thấy rằng, thiếu năng lực sáng tạo sẽ không

đảm bảo được sức cạnh tranh trên thị trường. Song song với quá trình làm một nghề, người lao động còn phải tăng tính thích ứng của mình với những thay đổi lớn của thị trường hàng hóa. Có những trường hợp cần phải có năng lực chuyển sang nghề khác. Đây chính là tinh thần mới của HN.

Trên con đường tiếp cận với kinh tế tri thức, trong sinh hoạt HN cần dành một thời gian thích đáng cho việc làm quen với những lĩnh vực công nghệ mũi nhọn, như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hóa nhằm giúp cho HS hiểu được phương hướng và các mục tiêu phát triển

\* ThS, Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp  
– Hướng nghiệp huyện Bình Chánh

các công nghệ này ở nước ta. Mặt khác, trong nội dung HN cũng cần nói đến những đặc điểm kinh tế tri thức và những yêu cầu đặt ra đối với người lao động phục vụ cho nền kinh tế này.

Việc thực hiện mục đích của công tác HN trong trường phổ thông là nhằm bồi dưỡng, hướng dẫn HS chọn nghề phù hợp. Như thế thì cũng chưa hẳn sẽ đem lại hiệu quả thiết thực. Trong quá trình nghiên cứu thực trạng vấn đề này, chúng tôi đã phân tích làm rõ nguyên nhân của các mặt tồn tại, nhằm đưa ra những giải pháp có thể khắc phục và tăng cường hiệu quả công tác GDHN của các trường THPT trong huyện Bình Chánh, đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả mục đích GDHN trong trường THPT.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

Dựa vào cơ sở lí luận của đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi xây dựng bảng hỏi dành cho CBQL và GV.

Bảng hỏi dành cho CBQL và GV bao gồm 59 câu hỏi (từ câu 1 đến câu 59)

có đáp án được soạn sẵn trên thang 3 mức: *có*, *không* và *không biết* về những kết quả quản lí của nhà trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS. Cụ thể như sau:

- 10 câu hỏi cụ thể (từ câu 60 đến câu 69) và một số câu trả lời có sẵn (từ 3 đến 9 câu) để lựa chọn khảo sát sự đánh giá của CBQL về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp (GDHN) cho HS, nhận xét của CBQL về xu hướng của HS trong việc chọn ngành, chọn nghề sau tốt nghiệp THPT...

- 40 câu hỏi đánh giá quản lí theo chức năng như: công tác tư tưởng, chức năng kế hoạch hóa, chức năng tổ chức, chức năng chỉ đạo thực hiện, chức năng kiểm tra – đánh giá với 5 mức độ mà CBQL thực hiện là *rất cao*, *cao*, *trung bình*, *thấp*, *rất thấp*.

### 2.2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.2.1. Mẫu chọn

Tổng số mẫu nghiên cứu là 155, được phân bố như sau:

Chức vụ	N	%
Giáo viên	80	51,6
Giáo viên chủ nhiệm (GVCN)	35	22,6
Tổ trưởng/ phó chuyên môn	31	20,0
Hiệu trưởng (HT)/ Phó HT	9	5,8

Nơi công tác	N	%
THPT Bình Chánh	44	28,4
THPT Đa Phước	51	32,9
THPT Lê Minh Xuân	60	38,7

2.2.2. *Đánh giá của CBQL và GV về những nội dung quản lý hoạt động GDHN của trường đối với HS*

(i) *Về hoạt động GDHN (xem bảng 1)*

**Bảng 1.** *Nhận xét của CBQL và GV về hoạt động GDHN của trường đối với HS trong thời gian qua*

<b>Nội dung</b>	<b>N</b>	<b>%</b>
Không trả lời	4	2,6
Không có gì đáng kể	19	12,3
Có hoạt động nhưng chưa có hiệu quả	71	45,8
Có hoạt động và có hiệu quả	42	27,1
Không biết	19	12,3

Bảng 1 cho thấy nhận xét của CBQL về hoạt động GDHN của trường đối với HS trong thời gian qua, cụ thể là có 27,1% đánh giá là có hoạt động và có hiệu quả, nhưng lại có đến 58,1% người đánh giá là hoạt động không có gì đáng kể và có hoạt động nhưng chưa có hiệu quả.

(ii) *Về hoạt động quản lý GDHN (xem bảng 2)*

**Bảng 2.** *Đánh giá của CBQL và GV về những hoạt động quản lý GDHN đã được thực hiện ở trường*

<b>Nội dung hoạt động GDHN</b>	<b>N</b>	<b>%</b>
HN thông qua các môn học	65	41,9
HN thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất	10	6,5
HN thông qua các buổi giáo dục HN	84	54,2
HN thông qua các hoạt động ngoại khóa	69	44,5

Bảng 2 cho thấy kết quả đánh giá những hoạt động GDHN đã được thực hiện ở trường, cụ thể là: có 54,2% hoạt động HN thông qua các buổi GDHN (thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có 44,5% thông qua các hoạt động ngoại khóa; có 41,9% thông qua các môn học và 6,5% thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất. GDHN cho HS được tiến hành dưới nhiều hình thức ở gia đình, nhà trường và XH, trong đó các hình thức GDHN ở trường phổ thông giữ vai trò chủ đạo, cụ thể như:

- Hướng nghiệp thông qua các môn học: Việc chọn nghề của HS phụ thuộc vào sự hiểu biết chung về hệ thống nghề nghiệp và phụ thuộc vào những tri thức khoa học khác, vào kỹ năng, kỹ xảo được hình thành. Bởi vậy cần phải cố gắng dạy các môn học theo tinh thần giáo dục kỹ thuật tổng hợp – HN.

- Hướng nghiệp thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất: Việc dạy môn kỹ thuật và lao động sản xuất nhằm trang bị những tri thức về các nguyên lý kỹ thuật, quản lý sản xuất, tổ chức lao động, hình thành một số kỹ

năng, kĩ xảo lao động, kĩ thuật với một số công cụ kĩ thuật phổ biến.

- Giới thiệu các ngành, nghề và hướng dẫn chọn nghề dưới hình thức các buổi sinh hoạt hướng nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để giúp HS hiểu biết về các ngành, các nghề, các trường tạm thời sử dụng mỗi tháng một buổi lao động để giới thiệu, tuyên truyền, giải thích về ngành, nghề.

- HN thông qua các hoạt động ngoại khóa: Có rất nhiều hoạt động ngoại khóa về GDHN như: cho HS tham quan các cơ

sở sản xuất, các trường học nghề. Tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi về nghề nghiệp với cán bộ lãnh đạo địa phương, cán bộ kinh tế, kĩ thuật, những người lao động giỏi, HS phổ thông đã ra trường đang lao động sản xuất hay đang học tập trong các trường nghề, trường chuyên nghiệp...

Những hình thức GDHN cơ bản trong trường phổ thông có tính hệ thống, liên quan chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau.

(iii) Về những việc Hiệu trưởng (HT) đã thực hiện để quản lí hoạt động GDHN (xem bảng 3)

**Bảng 3.** Đánh giá của CBQL và GV về những việc HT nhà trường đã thực hiện để quản lí hoạt động GDHN

TT	Nội dung quản lí hoạt động GDHN	N	%
1	Lập kế hoạch thực hiện hoạt động GDHN trong năm học	97	62,6
2	Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện hoạt động GDHN	42	27,1
3	HT phối hợp với chính quyền, các cơ sở sản xuất (CSSX), các trường dạy nghề để tổ chức dạy lao động sản xuất, lao động kĩ thuật...	25	16,1
4	Lập kế hoạch phối hợp GDHN giữa nhà trường với đoàn thể, với Ban đại diện cha mẹ HS (CMHS) để HN cho các em	32	20,6
5	Tổ chức cho HS tham quan các CSSX, gặp các đại biểu của các ngành sản xuất; những người thành đạt, để trao đổi ý kiến...	42	27,1
6	Chỉ đạo việc thực hiện các hình thức HN, điều chỉnh hoạt động phối hợp giữa các GV	30	19,4
7	Cung cấp thông tin cho GV về nhu cầu cán bộ, người lao động kĩ thuật ở các CSSX của địa phương và trong vùng để HN cho HS	11	7,1
8	Lập kế hoạch xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV làm tốt công tác HN	14	9,0
9	Thực hiện đủ, kịp thời các báo cáo về hoạt động GDHN của nhà trường về tình hình phân luồng HS sau tốt nghiệp THPT	25	16,1

Về đánh giá những việc HT nhà trường đã thực hiện để quản lý hoạt động GDHN, bảng 3 cho thấy tỉ lệ cao nhất thuộc về việc lập kế hoạch thực hiện hoạt động GDHN trong năm học cho từng khối lớp (10, 11 và 12) và theo từng học kì (62,6%), kế đến là việc tổ chức thực hiện và có kiểm tra việc thực hiện hoạt động GDHN của trường theo từng học kì (27,1%), việc nhà trường xác định tổ chức cho HS tham quan các CSSX, cho HS gặp đại biểu của các ngành sản xuất, những người thành đạt để trao đổi ý kiến, giải đáp thắc mắc về nghề nghiệp

(27,1%). Việc phối hợp GDHN giữa nhà trường với đoàn thể, với ban đại diện CMHS để HN cho các em (20,6%). Tuy nhiên, hoạt động chiếm tỉ lệ thấp nhất là việc nhà trường cung cấp thông tin cho GV về nhu cầu cán bộ, người lao động kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất của địa phương và trong vùng để GV HN cho HS (7,1%).

(iv) Về kết quả quản lý của nhà trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS ở nội dung chuẩn bị tư tưởng, nhân sự và cơ sở vật chất (xem bảng 4)

**Bảng 4.** Đánh giá của CBQL và GV về kết quả quản lý của nhà trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS (chuẩn bị tư tưởng, nhân sự và cơ sở vật chất)

TT	Nội dung hướng dẫn nghề nghiệp cho HS	TB	ĐLTC	Thứ bậc
1	Kết hợp với địa phương trong việc sử dụng hợp lí HS ra trường	2,05	0,93	6
2	Tổ chức bàn giao HS ra trường cho địa phương, báo cáo rõ phẩm chất, năng lực của từng em để địa phương có hướng sử dụng	1,88	0,89	10
3	Đề nghị với cấp ủy và UBND địa phương mở các hướng đi đúng đắn	1,84	0,93	11
4	GV bộ môn tham gia tổ chức phòng triển lãm HN	2,10	0,70	5
5	GV bộ môn hướng dẫn HS lao động sản xuất HN	2,13	0,76	4
6	GV giảng dạy kỹ thuật giảng dạy nội dung HN	2,17	0,86	1
7	Hội CMHS giải thích cho CMHS về sự cần thiết phải giúp con em trong việc lựa chọn nghề phù hợp	2,02	0,92	7
8	Hội CMHS hướng dẫn dư luận của CMHS trước việc chọn nghề của con em mình	1,94	0,91	9
9	Hội CMHS đề cử đại biểu vào Ban HN của nhà trường	1,83	0,87	12
10	Hội CMHS lôi cuốn CMHS vào việc tư vấn nghề nghiệp cho con em	1,82	0,88	13
11	Hội CMHS tham gia xây dựng phòng triển lãm HN cũng như những biện pháp HN khác	1,77	0,80	14

12	Phòng tư vấn HN thực hiện tư vấn hướng học, HN cho HS có nhu cầu được tư vấn	2,15	0,84	2
13	Phòng tư vấn HN hướng dẫn cho HS cách thức lựa chọn nghề nghiệp tương lai	2,14	0,82	3
14	Phòng tư vấn HN hướng dẫn cho HS làm trắc nghiệm HN để HS tự đánh giá năng lực bản thân	2,01	0,82	8

Bảng 4 cho thấy đánh giá của CBQL và GV về công tác quản lí của nhà trường trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS về chuẩn bị tư tưởng, nhân sự và cơ sở vật chất theo thứ bậc từ cao xuống thấp như sau: GV giảng dạy kĩ thuật giảng dạy nội dung HN mỗi tháng một buổi (lấy trong giờ lao động quy định) (thứ bậc 1); Phòng tư vấn HN thực hiện tư vấn hướng học, HN cho HS có nhu cầu được tư vấn (thứ bậc 2); Phòng tư vấn HN hướng dẫn cho HS cách thức lựa chọn nghề nghiệp tương lai, trên cơ sở phù hợp với phẩm chất, năng lực của cá nhân và yêu cầu của nghề cũng như nhu cầu của XH (thứ bậc 3); GV bộ môn hướng dẫn HS lao động sản xuất HN (thứ bậc 4); GV bộ môn tham gia tổ chức phòng triển lãm HN (thứ bậc 5); HT có nhiệm vụ kết hợp với địa phương trong việc sử dụng hợp lí HS ra trường (thứ bậc 6); Hội CMHS giải thích cho CMHS về sự cần thiết phải giúp con em mình trong việc lựa chọn nghề phù hợp với những yêu cầu phát triển KT-XH (thứ bậc 7); Phòng tư vấn HN hướng dẫn cho HS làm trắc nghiệm HN để HS tự đánh giá năng lực bản thân (thứ bậc 8); Hội CMHS hướng dẫn CMHS trước việc chọn nghề của con em mình (thứ bậc 9); HT có nhiệm vụ cuối mỗi năm học, tổ chức bàn giao HS ra trường cho địa phương, báo cáo rõ phẩm chất, năng lực của từng em

để địa phương có hướng sử dụng và tiếp tục bồi dưỡng một cách hợp lí (thứ bậc 10); HT có nhiệm vụ đề nghị với cấp ủy và Ủy ban nhân dân địa phương mở các hướng đi đúng đắn, các lớp học nghề thiết thực cho HS ở lại địa phương sản xuất và công tác (thứ bậc 11); Hội CMHS đề cử những đại biểu nhiệt tình với công tác HN vào Ban HN của trường (thứ bậc 12); Hội CMHS lôi cuốn CMHS vào công việc tư vấn nghề nghiệp cho con em (thứ bậc 13); và Hội CMHS tham gia xây dựng phòng triển lãm HN cũng như những biện pháp HN khác (thứ bậc 14).

Như vậy, tất cả 14 vấn đề liên quan đến kết quả quản lí của trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS về chuẩn bị tư tưởng, nhân sự và cơ sở vật chất đều được các trường đánh giá ở mức độ kém (tất cả giá trị trung bình cộng trong bảng đều ở mức dưới 2,49). Điều này có nghĩa là CBQL và GV các trường THPT ở huyện Bình Chánh đều cho rằng công tác chuẩn bị tư tưởng, nhân sự và cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu đối với công tác GDHN cho HS của mình. Những nội dung trong bảng được nhóm lại và sắp xếp từ cao xuống thấp như sau:

- Chuẩn bị về tư tưởng: HT có nhiệm vụ kết hợp với địa phương trong việc sử dụng hợp lí HS ra trường (thứ bậc 6/14); HT có nhiệm vụ cuối mỗi

năm học, tổ chức bàn giao HS ra trường cho địa phương, báo cáo rõ phẩm chất, năng lực của từng em để địa phương có hướng sử dụng và tiếp tục bồi dưỡng một cách hợp lý (thứ bậc 10/14); và HT có nhiệm vụ đề nghị với cấp ủy và Ủy ban nhân dân địa phương mở các hướng đi đúng đắn, các lớp học nghề thiết thực cho HS ở lại địa phương sản xuất (thứ bậc 11/14).

- Chuẩn bị về nhân sự: GV giảng dạy kỹ thuật giảng dạy nội dung HN mỗi tháng một buổi (thứ bậc 1/14); GV bộ môn hướng dẫn HS lao động sản xuất HN (thứ bậc 4/14); GV bộ môn tham gia tổ chức phòng triển lãm HN (thứ bậc 5/14); Hội CMHS giải thích cho CMHS về sự cần thiết phải giúp con em trong việc lựa chọn nghề phù hợp với những yêu cầu phát triển KT-XH (thứ bậc 7/14); Hội CMHS hướng dẫn dư luận của CMHS trước việc chọn nghề của con em mình (thứ bậc 9/14); Hội CMHS đề cử

những đại biểu nhiệt tình với công tác HN vào Ban HN của trường (thứ bậc 12/14); và Hội CMHS lôi cuốn CMHS vào công việc tư vấn nghề nghiệp cho con em (thứ bậc 13/14).

- Chuẩn bị về cơ sở vật chất: Phòng tư vấn HN thực hiện tư vấn hướng học, HN cho HS có nhu cầu được tư vấn (thứ bậc 2/14); Phòng tư vấn HN hướng dẫn cho HS cách thức lựa chọn nghề nghiệp tương lai, trên cơ sở phù hợp với phẩm chất, năng lực của cá nhân và yêu cầu của nghề cũng như nhu cầu của XH (thứ bậc 3/14); Phòng tư vấn HN hướng dẫn cho HS làm trắc nghiệm HN để HS tự đánh giá năng lực bản thân (thứ bậc 8/14); và Hội CMHS tham gia xây dựng phòng triển lãm HN cũng như những biện pháp HN khác (thứ bậc 14/14).

(v) Về kết quả quản lý nhà trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS ở nội dung tổ chức, xây dựng kế hoạch thực hiện (xem bảng 5)

**Bảng 5.** Đánh giá của CBQL và GV về kết quả quản lý nhà trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS (tổ chức, xây dựng kế hoạch thực hiện)

TT	Nội dung hướng dẫn nghề nghiệp cho HS	TB	ĐLTC	Thứ bậc
1	Phối hợp với Trung tâm kỹ thuật tổng hợp (KTTH) - HN Bình Chánh để HN và dạy nghề phổ thông cho HS	2,14	0,79	3
2	Chi phí bồi dưỡng cho những người chuyên trách làm công tác phục vụ cho hoạt động GDHN	2,07	0,94	8
3	Thành lập Ban hướng nghiệp (HN) của trường	2,29	0,80	2
4	Ban HN xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể	2,04	0,88	9
5	Ban HN tham mưu cho HT về nội dung, kế hoạch HN	2,02	0,86	11
6	Ban HN giúp HT xây dựng kế hoạch theo dõi, sơ kết, tổng kết HĐ GDHN và sử dụng hợp lý HS ra trường	2,08	0,87	7
7	Tổ chức phòng triển lãm HN của trường và xác định nội dung trưng bày	2,13	0,70	4

8	Ban HN phân công trách nhiệm HN trong nhà trường	2,09	0,89	6
9	Phối hợp với chính quyền, các CSSX, các trường dạy nghề đóng tại địa phương xây dựng kế hoạch HN	2,02	0,90	12
10	Tổ chức thông báo cho GV về tình hình phát triển kinh tế của địa phương và nhu cầu sử dụng nguồn lao động dự trữ	2,12	0,85	5
11	Chỉ đạo và kiểm tra công tác HN của GV, phối hợp các hình thức GDHN trong và ngoài nhà trường	2,48	0,82	1
12	Theo dõi việc bồi dưỡng, sử dụng HS sau khi ra trường	2,03	0,92	10

Bảng 5 cho thấy các hoạt động được đánh giá theo thứ bậc từ cao xuống thấp như sau: HT có nhiệm vụ chỉ đạo và kiểm tra công tác HN của các GV, phối hợp các hình thức GDHN trong và ngoài nhà trường (thứ bậc 1); thành lập Ban HN của trường (thứ bậc 2); trường, thầy (cô) có phối hợp với Trung tâm KTTH – HN huyện Bình Chánh để HN và dạy nghề phổ thông cho HS không? (thứ bậc 3); tổ chức phòng triển lãm HN của trường và xác định nội dung trưng bày của phòng này (thứ bậc 4); HT có nhiệm vụ tổ chức thông báo cho GV về tình hình phát triển kinh tế của địa phương và nhu cầu sử dụng nguồn lao động dự trữ (thứ bậc 5); Ban HN phân công trách nhiệm HN trong nhà trường (thứ bậc 6); Ban HN giúp HT xây dựng kế hoạch theo dõi, sơ kết, tổng kết hoạt động GDHN và sử dụng hợp lý HS ra trường (thứ bậc 7); nhà trường có khoản chi nào bồi dưỡng thêm cho những người chuyên trách làm công tác phục vụ cho hoạt động GDHN không? (thứ bậc 8); Ban HN xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên (thứ bậc 9); HT có nhiệm vụ theo dõi việc bồi dưỡng, sử dụng HS sau khi ra trường và kịp thời động viên, khuyến khích (thứ bậc 10); Ban HN là tham mưu cho HT về nội

dung, kế hoạch HN và phối hợp với địa phương trong việc sử dụng HS ra trường (thứ bậc 11); và HT có nhiệm vụ phối hợp với chính quyền các CSSX, các trường dạy nghề đóng tại địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giúp trường phổ thông về các mặt HN (thứ bậc 12).

Như vậy, tất cả 12 vấn đề liên quan đến kết quả quản lý của nhà trường đạt được trong việc hướng dẫn nghề nghiệp cho HS về tổ chức, xây dựng kế hoạch thực hiện đều được các trường đánh giá ở mức độ kém (tất cả giá trị trung bình cộng trong bảng đều ở mức dưới 2,49). Điều này có nghĩa là CBQL và GV các trường THPT huyện Bình Chánh cho rằng *quá trình tổ chức và xây dựng kế hoạch thực hiện chưa cụ thể và sát với thực tế của địa bàn huyện Bình Chánh nhằm đáp ứng được yêu cầu trong công tác GDHN cho HS của mình*. Những nội dung trong bảng được nhóm lại và sắp xếp từ cao xuống thấp như sau:

- Về tổ chức thực hiện: Thành lập Ban hướng nghiệp (HN) của trường (thứ bậc 2/12); sự phối hợp giữa các trường THPT trong huyện với Trung tâm KTTH – HN huyện Bình Chánh để HN và dạy nghề phổ thông cho HS (thứ bậc 3/12); tổ chức phòng triển lãm HN của trường và



xác định nội dung trưng bày của phòng này (thứ bậc 4/12); Ban HN phân công trách nhiệm HN trong nhà trường (thứ bậc 6/12); Ban HN giúp HT xây dựng kế hoạch theo dõi, sơ kết, tổng kết hoạt động GDHN và sử dụng hợp lí HS ra trường (thứ bậc 7/12); khoản chi bồi dưỡng thêm cho những người chuyên trách làm công tác phục vụ cho hoạt động GDHN (thứ bậc 8/12); Ban HN xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên (thứ bậc 9/12); và Ban HN là tham mưu cho HT về nội dung, kế hoạch HN và phối hợp với địa phương trong việc sử dụng HS ra trường (thứ bậc 11/12).

- Về xây dựng kế hoạch thực hiện: HT có nhiệm vụ chỉ đạo và kiểm tra công tác HN của GV, phối hợp các hình thức GDHN trong và ngoài nhà trường (thứ bậc 1/12); HT có nhiệm vụ tổ chức thông báo cho GV về tình hình phát triển kinh tế của địa phương và nhu cầu sử dụng nguồn lao động dự trữ (thứ bậc 5/12); HT có nhiệm vụ theo dõi việc bồi dưỡng, sử dụng HS sau khi ra trường và kịp thời động viên, khuyến khích vấn đề này (thứ bậc 10/12); và HT có nhiệm vụ phối hợp với chính quyền các cơ sở sản xuất, các trường dạy nghề đóng tại địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giúp trường phổ thông về các mặt HN (thứ bậc 12/12).

### 3. Kết luận

Công tác quản lí hoạt động GDHN trong trường THPT có vai trò quyết định hiệu quả và mục tiêu GDHN ở các trường THPT nói chung và của huyện Bình Chánh nói riêng, góp phần tích cực và hiệu quả vào việc phân công và sử dụng hợp lí HS sau khi tốt nghiệp THPT, điều

chỉnh cơ cấu lao động đáp ứng với nhu cầu phát triển KT-XH của huyện Bình Chánh. Công tác quản lí của HT bao gồm các hoạt động: Tổ chức bộ máy quản lí nhất quán trong nhận thức và hoạt động quản lí thực hiện có hiệu quả các con đường GDHN trong nhà trường, xây dựng đội ngũ CBQL và đội ngũ GV có tay nghề, phục vụ tốt công tác GDHN, tăng cường cơ sở vật chất, tài chính tương ứng phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của đơn vị, đồng thời tăng cường xã hội hóa công tác GDHN nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong nhà trường.

### 4. Kiến nghị

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi nhận thấy rằng, để quản lí tốt hoạt động GDHN cho HS THPT huyện Bình Chánh, thì các cấp lãnh đạo và nhà trường cần chú ý những vấn đề sau:

- Chú trọng phần nghiên cứu lí luận, nội dung, phương hướng và biên soạn tài liệu hướng dẫn công tác giáo dục kĩ thuật tổng hợp – HN trong nhà trường phổ thông với thời lượng hợp lí hơn.

- Cung cấp cho các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT những trang thiết bị, những tài liệu hướng dẫn cụ thể, thiết thực phù hợp với nội dung biên soạn trong sách giáo khoa bộ môn HN. Song song đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm mở chuyên ngành đào tạo chuyên môn nghiệp vụ HN, chuyên viên tư vấn HN, CBQL GDHN.

- Có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng các chuyên viên tư vấn HN để phân bổ về các trường THPT; chỉ đạo các trường THPT thành lập Ban HN theo đúng tinh

thần Thông tư 31 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có biên chế rõ ràng cho các thành viên trong Ban HN, có hình thức kiểm tra hiệu quả hoạt động theo định kì và xem đây là một tiêu chí để xét hiệu quả hoạt động chung của trường.

- Nhà trường cần tuyên truyền giáo dục sâu rộng với nhiều hình thức cho GV, HS, CMHS nhận thức rõ về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác GDHN trong trường THPT. HT cần

xác định rõ mục tiêu GDHN trong trường THPT, cũng như kết hợp việc thực hiện mục tiêu GDHN với việc thực hiện mục tiêu giáo dục trong trường THPT.

- Mỗi đầu năm học cần thành lập Ban HN theo Thông tư 31 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải có hoạt động, có phân công, phân nhiệm rõ ràng kết hợp với việc kiểm tra và rút kinh nghiệm thường xuyên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Quốc Anh, Trần Đức Vương (2007), “Dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở II với công tác hướng nghiệp, hướng học cấp trung học cơ sở”, *Báo Khoa học Giáo dục*, (24), tr.33-35.
2. Đặng Danh Ánh (2007), “Cần đặt đúng vị trí của tư vấn hướng học và tư vấn hướng nghiệp trong trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, (163), tr.7-8.
3. Nguyễn Trọng Bảo (1985), *Giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Trọng Bảo (1987), *Nhà trường phổ thông với việc giáo dục lao động tổng hợp hướng nghiệp và dạy nghề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Trọng Bảo, Đoàn Chi, Cù Nguyên Hạnh, Hà Thế Ngữ, Nguyễn Thế Quảng, Tô Bá Trọng, Trần Đức Xước (2005), *Một số vấn đề giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp*, Nxb Giáo dục.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1981), *Thông tư 31 ngày 17-11-1981 hướng dẫn thực hiện Quyết định của Hội đồng Chính phủ về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và sử dụng hợp lí học sinh phổ thông tốt nghiệp*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Tài liệu tham khảo dùng để hướng dẫn sinh hoạt hướng nghiệp trung học phổ thông*, Trung tâm Lao động – Hướng nghiệp.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 10 trung học phổ thông - hoạt động giáo dục hướng nghiệp*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tài liệu phân phối chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp*, Nxb Giáo dục.

**Người phân biện khoa học: TS. Trần Thị Thu Mai**

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-8-2012; ngày phân biện đánh giá: 12-9-2012;

ngày chấp nhận đăng: 19-9-2013)